

CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH TỈNH BÌNH THUẬN – THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Trần Thị Minh Nguyệt

Trường Đại học Lâm nghiệp

<https://doi.org/10.55250/jo.vnuf.2023.3.127-136>

TÓM TẮT

Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh về môi trường kinh doanh của Việt Nam (Provincial Competitiveness Index: PCI) đo lường và đánh giá chất lượng điều hành kinh tế, mức độ thuận lợi môi trường kinh doanh và nỗ lực cải cách hành chính của chính quyền tỉnh tại Việt Nam. Bình Thuận là tỉnh thành trong những năm qua có chỉ số PCI cao khu vực Nam Trung Bộ. Tỉnh đã có những cố gắng để cải thiện các chỉ số thành phần của chỉ số PCI. Từ 2016 - 2021, chỉ số PCI của Bình Thuận liên tục dao động về điểm số cũng như thứ bậc. Kết quả cho thấy: Các chỉ số thành phần được những doanh nghiệp tại Bình Thuận đánh giá cao và tương đối ổn định trong giai đoạn như sau: Tiếp cận đất đai; Tinh minh bạch; Chi phí không chính thức; Tính năng động của chính quyền tỉnh. Ngược lại, các chỉ số thành phần: Chi phí gia nhập thị trường, cạnh tranh bình đẳng, và đào tạo lao động là những chỉ số giảm điểm và dẫn đến giảm điểm của chỉ số tổng hợp do trọng số cao. Đặc biệt, tỉnh đã có những chính sách thúc đẩy các hoạt động có ảnh hưởng tới những chỉ số trên. Nhưng trong quá trình thực hiện vẫn còn nhiều hạn chế. Do vậy, cải thiện đào tạo lao động về chất lượng, thúc đẩy các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, giảm chi phí gia nhập thị trường và tăng tính cạnh tranh bình đẳng là giải pháp tỉnh cần tập trung cải thiện trong giai đoạn 2022-2025.

Từ khoá: Bình Thuận, chi phí gia nhập thị trường, doanh nghiệp, đào tạo lao động, năng lực cạnh tranh, thủ tục hành chính.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Từ năm 2006, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh được đưa ra xây dựng và phát triển ở 63 tỉnh thành trên cả nước. Bình Thuận là tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ, nằm trong khu vực chịu tác động của địa bàn kinh tế trọng điểm phía Nam, tỉnh Bình Thuận có nhiều tiềm năng để thu hút đầu tư, phát triển kinh tế. Những năm qua tỉnh đã dồn lực thu hút đầu tư, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tuy vậy, vốn đầu tư thu hút được để phát triển kinh tế của tỉnh vẫn chưa tương xứng với tiềm năng và thế mạnh của tỉnh.

Bình Thuận đã có nhiều nỗ lực trong việc tạo môi trường minh bạch trong đầu tư kinh doanh cho các doanh nghiệp (DN), giúp các doanh nghiệp an tâm sản xuất kinh doanh. Mặc dù đã có những cố gắng để cải thiện các chỉ số thành phần, từ 2016 - 2021, chỉ số PCI của Bình Thuận vẫn có sự dao động. Nhiều chỉ số thành phần chưa cải thiện điểm hoặc giảm trong giai đoạn trên.

Để cải thiện PCI tỉnh Bình Thuận, nghiên cứu về thực trạng chỉ số PCI được thực hiện nhằm chỉ rõ những hạn chế của các chỉ số này và nghiên cứu những đánh giá của các doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh. Từ đó tác giả đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chỉ số PCI của tỉnh Bình Thuận.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp thu thập số liệu

Số liệu thứ cấp được tổng hợp dựa trên báo cáo của chỉ số PCI cả nước [2-7] và tổng cục thống kê của tỉnh Bình Thuận [1].

Số liệu sơ cấp được điều tra trực tiếp tại doanh nghiệp hoặc các sở của tỉnh Bình Thuận bằng hình thức phỏng vấn chuyên sâu cán bộ quản lý của các doanh nghiệp. Số mẫu lựa chọn ngẫu nhiên để điều tra là 200 DN, 25 cán bộ lãnh đạo (Bảng 1).

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phần mềm Excel cho phân tích thống kê mô tả, thống kê so sánh.

Bảng 1. Tổng hợp số lượng mẫu điều tra

STT	Đối tượng	Số lượng	Nội dung thu thập
1	Cán bộ quản lý của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.	200 doanh nghiệp: thành phố Phan Thiết: 40 doanh nghiệp, thị xã La Gi: 40 doanh nghiệp, 08 huyện: 120 doanh nghiệp.	Thông tin thực trạng về môi trường đầu tư kinh doanh tại địa phương được khảo sát, những khó khăn, hạn chế còn tồn tại... Ý kiến, kiến nghị.
2	Cán bộ công chức lãnh đạo trong các cơ quan trên địa bàn Tỉnh	25 cán bộ (thành phố Phan Thiết: 05 cán bộ, thị xã La Gi: 04 cán bộ, 08 huyện: 16 cán bộ (mỗi huyện 02 cán bộ).	Thông tin thực trạng về môi trường đầu tư kinh doanh tại địa phương được khảo sát, những khó khăn, hạn chế còn tồn tại... Ý kiến, kiến nghị.

Nguồn: Tác giả tổng hợp

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Khái quát về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh

Chỉ số PCI là chỉ số đánh giá và xếp hạng chính quyền các tỉnh thành của Việt Nam về chất lượng điều hành kinh tế, xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi cho việc phát triển

DN. Chỉ số PCI do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) tại Việt Nam thực hiện.

Xây dựng chỉ số PCI gồm 3 bước: Thu thập số liệu; Xử lý dữ liệu để xây dựng các chỉ số thành phần; và xây dựng chỉ số tổng hợp. Các chỉ số thành phần được gán trọng số như Bảng 2.

Bảng 2. Bảng trọng số của các chỉ số thành phần

STT	Chỉ số thành phần	Trọng số (%)
1	Chi phí gia nhập thị trường	5
2	Tiếp cận đất đai	5
3	Tính minh bạch	20
4	Chi phí thời gian	5
5	Chi phí không chính thức	10
6	Cạnh tranh bình đẳng	5
7	Tính năng động của chính quyền tỉnh	5
8	Dịch vụ hỗ trợ	20
9	Đào tạo lao động	20
10	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	5

Nguồn: VCCI, 2021

Các tỉnh sẽ được xếp vào các nhóm: Rất tốt, Tốt, Khá, Trung Bình, Tương đối thấp; và Thấp. Một địa phương được coi là có chất lượng điều hành tốt khi có: (1) Chi phí gia nhập thị trường thấp; (2) Tiếp cận đất đai dễ dàng và sử dụng đất ổn định; (3) Môi trường kinh doanh minh bạch và thông tin kinh doanh công khai; (4) Chi phí không chính thức thấp; (5) Thời gian thanh tra, kiểm tra và thực hiện các quy định, thủ tục hành chính (TTHC) nhanh chóng; (6)

Môi trường cạnh tranh bình đẳng; (7) Lãnh đạo tỉnh năng động, sáng tạo trong giải quyết vấn đề cho doanh nghiệp; (8) Dịch vụ hỗ trợ DN phát triển, chất lượng cao; (9) Chính sách đào tạo lao động (ĐTLĐ) tốt và (10) Thủ tục giải quyết tranh chấp công bằng, hiệu quả.

3.2. Thực trạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh Bình Thuận

3.2.1. Xếp hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh Bình Thuận

Từ 2016 - 2021, PCI của tỉnh Bình Thuận có sự biến động về thứ hạng và điểm số. Cụ thể trong Bảng 3.

Bảng 3. Thứ hạng trên và điểm số PCI tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2016 – 2021

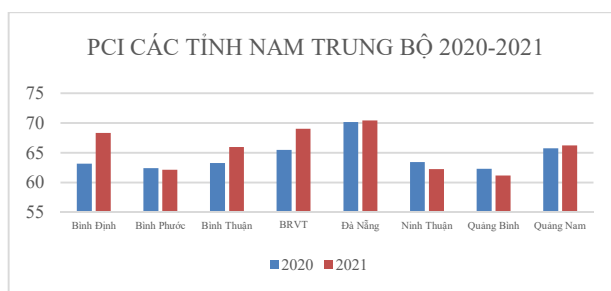
Năm	Thứ hạng	Điểm	Loại
2016	32	58,20	Khá
2017	24	63,34	Khá
2018	22	64,00	Khá
2019	31	65,33	Khá
2020	34	63,29	Trung bình
2021	21	65,96	Khá

Nguồn: VCCI Việt Nam, 2016 - 2021

3.2.2. PCI Bình Thuận và trong vùng Nam Trung Bộ

Trong vùng Nam Trung Bộ, Bình Thuận có

chỉ số PCI chưa cao so với các tỉnh thành khác. Năm 2020, PCI của tỉnh vẫn nằm trong nhóm có năng lực cạnh tranh trung bình.



Hình 1. Biểu đồ so sánh PCI các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ

3.2.3. Thực trạng các chỉ số thành phần PCI

Các chỉ số thành phần tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2016 - 2021 có sự biến động mạnh [2-7]. Chi phí gia nhập thị trường, chi phí thời gian, cạnh tranh bình đẳng, và đào tạo lao động là những yếu tố ảnh hưởng giảm đến cả thứ bậc và điểm số của chỉ số PCI.

a. Gia nhập thị trường - GNTT

Chỉ số chi phí GNTT tăng giảm không đều trong giai đoạn 2016-2021. Năm 2016 chỉ số GNTT tỉnh Bình Thuận đạt 8,84 điểm. Đây là chỉ số được cải thiện tốt nhất trong năm 2020. Tuy nhiên, chỉ số này lại giảm còn 5,79 điểm năm 2021.

Bảng 4. Điểm chỉ số thành phần tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2016 – 2021

STT	Năm	2016	2017	2018	2019	2020	2021
1	Gia nhập thị trường	8,84	8,19	8,2	7,27	8,56	5,79
2	Tiếp cận đất đai	5,82	6,64	6,6	6,67	6,54	6,98
3	Tính minh bạch	5,75	6,42	5,73	6,3	5,92	6,93
4	Chi phí thời gian	6,36	6,22	7,67	6,71	7,51	7,25
5	Chi phí không chính thức	5,42	5,58	7,19	6,85	6,69	6,97
6	Cạnh tranh bình đẳng	6,05	6,12	6,01	6,83	6,68	5,52
7	Tính năng động	4,23	5,34	5,66	6,52	6,16	7,04
8	Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	5,72	6,95	6,43	6,46	6,22	7,69
9	Đào tạo lao động	5,85	6,18	6,23	6,5	5,78	5,14
10	Thiết chế pháp lý	4,97	4,82	5,92	5,92	6,07	6,35

Nguồn: VCCI Việt Nam, 2016 – 2021

Có thể thấy, Tỉnh đã nỗ lực rất lớn trong công tác cải cách hành chính và thực hiện khá tốt cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” trong một số lĩnh vực liên quan trực tiếp đến doanh nghiệp như: Cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cấp phép xây dựng... đã rút ngắn thời gian, góp phần giảm chi phí GNTT của doanh nghiệp. Tuy nhiên, sự sụt giảm năm 2021 làm ảnh hưởng trực tiếp đến chỉ số PCI tổng hợp. Điều này có thể là do các tỉnh thành khác đã có sự cải tiến vượt bậc hơn làm thứ bậc của Bình Thuận giảm. Ngoài ra, yếu tố khả năng ứng dụng công nghệ thông tin của DN được đánh giá thấp.

b. Tiếp cận đất đai – TCDD

Năm 2020, chỉ số TCDD tỉnh Bình Thuận đứng thứ 36/63 tỉnh thành đạt 6,54 điểm và 6,98 năm 2021. Từ 2016 - 2021, chỉ số TCDD có xu hướng tăng điểm nhưng vẫn có những năm sụt giảm không ổn định. Mặc dù, trong thời gian qua Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, địa phương tiếp tục nghiên cứu, rà soát lại các quy hoạch phát triển quy hoạch sử dụng đất để điều chỉnh, bổ sung hoặc loại bỏ. Chỉ số này vẫn còn sự hạn chế. Nguyên nhân là do: Công tác quy hoạch sử dụng đất còn nhiều bất cập, chồng lấn các quy hoạch, nhiều doanh nghiệp, nhà đầu tư phải chờ quy hoạch chi tiết hoặc điều chỉnh quy hoạch; Thời gian xác định nguồn gốc đất còn kéo dài. Công tác hỗ trợ giải phóng mặt bằng tuy được cải thiện nhưng vẫn còn nhiều khó khăn nhất là các dự án tự thỏa thuận.

c. Tính minh bạch

Từ 2016 - 2021, chỉ số tính minh bạch có xu hướng tăng điểm và cải thiện dần qua các năm, tuy nhiên mức tăng chưa cao. Năm 2021, chỉ số này đã tăng lên 6,93 điểm.

Thời gian qua, Tỉnh luôn coi việc tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi và minh bạch là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Các hình thức chủ yếu: Công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ngành và Bộ Thủ tục hành chính cấp huyện, xã; cũng như công khai trên Cổng thông tin các cơ quan đơn vị các tài liệu về chiến lược phát triển, quy hoạch ngành, lĩnh vực, địa phương, các chính sách về tiền thuê đất, thuê hạ tầng của các loại hình dự án, vùng dự án, tiềm năng lợi thế và các dự án kêu gọi đầu tư trên cổng thông tin

điện tử của tỉnh; trên website của các cấp, các ngành và trên Cổng thông tin hỗ trợ doanh nghiệp xuctienbinhthuan.vn của Trung tâm Hỗ trợ DNNVV Bình Thuận tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận thông tin đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh theo quy định tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận thông tin, đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất, kinh doanh. Nhờ đó, những tồn tại đối với hoạt động kinh doanh của các DN trên địa bàn tỉnh đời đã được cải thiện.

d. Chi phí thời gian

Chỉ tiêu này đo lường thời gian DN bỏ ra để thực hiện các TTHC, thời gian DN phải tạm dừng kinh doanh để cơ quan nhà nước kiểm tra. Tuy nhiên, từ 2016-2021 chỉ số chi phí thời gian cũng là chỉ số chưa có tính ổn định, điểm số liên tục tăng lên rồi giảm xuống qua các năm. Mặc dù có sự giảm, nhưng mức giảm không quá sâu.

Do áp dụng thành công cơ chế “một cửa” và “một cửa liên thông nên những DN đã giảm được đáng kể thời gian đi lại, chờ đợi cũng như các chi phí về thời gian khác.

e. Chi phí không chính thức

Đo lường mức chi phí không chính thức (CPKCT) mà doanh nghiệp phải trả cũng như những trở ngại do những chi phí này gây nên đối với hoạt động kinh doanh của DN. Từ 2016-2018, chỉ số CPKCT của tỉnh Bình Thuận liên tục tăng điểm từ 5,42 lên 7,19 điểm năm 2018. Có sự sụt giảm năm 2020 nhưng chỉ số này đã cải thiện vào năm 2021. Đây là tiêu chí có trọng số cao nên tác động lớn đến việc thay đổi thứ hạng PCI Bình Thuận. Mặc dù xu hướng tăng, các DN trên địa bàn tỉnh thì vẫn báo cáo còn tình trạng trả những CPKCT để “chạy án”, trúng thầu dự án. Điều này làm giảm đi động lực rất lớn cho các DN.

f. Cạnh tranh bình đẳng

Chỉ số thành phần này phản ánh cảm nhận của các DN tư nhân về mức độ ưu ái của chính quyền địa phương đối với DN có vốn nhà nước, DN có vốn đầu tư nước ngoài và các doanh nghiệp có mối quan hệ thân quen với cán bộ cơ quan nhà nước. Từ 2016-2019, chỉ số cạnh tranh bình đẳng tăng điểm đều qua các năm. Đây là tiêu chí giảm bậc và giảm điểm trong năm 2020. Tuy nhiên, năm 2020 chỉ số này giảm điểm, từ 6,83 xuống còn 6,68 điểm, còn 5,52 điểm năm 2021. Bình Thuận cần có nhiều nỗ lực hơn nữa

trong việc cải thiện điểm số của chỉ số cạnh tranh bình đẳng. Nhiều DN tư nhân vẫn còn nhận thấy chính quyền tỉnh có những ưu ái hơn cho doanh nghiệp nhà nước trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tiếp cận khoản vay, cấp phép khai thác khoáng sản... Đây chính là nguyên nhân dẫn tới chỉ số này liên tục giảm trong những năm gần đây.

g. Tính năng động của chính quyền tỉnh

Chỉ số này đo lường tính sáng tạo, sáng suốt của chính quyền tỉnh trong quá trình thực thi chính sách của Trung ương, trong việc đưa ra những sáng kiến riêng nhằm phát triển khu vực kinh tế tư nhân. Đồng thời đánh giá khả năng hỗ trợ và áp dụng những chính sách đôi khi chưa rõ ràng của Trung ương theo hướng có lợi cho DN, cũng như tính hiệu lực thực thi của các cấp sở, ngành và huyện thị với các chủ trương của lãnh đạo tỉnh. Đây là tiêu chí nằm trong số những chỉ tiêu tăng điểm, tăng bậc tốt nhất trong 4 năm liên tiếp. Tuy nhiên đến năm 2020, tiêu chí này bị giảm bậc và giảm điểm.

h. Hỗ trợ doanh nghiệp

Tỉnh Bình Thuận đã đưa ra nhiều cơ chế, chính sách đồng bộ và phù hợp nhằm hỗ trợ DN phát triển. Giai đoạn 2016 - 2021, chỉ số hỗ trợ DN của tỉnh Bình Thuận được các DN đánh giá ngày càng có nhiều cải thiện. Năm 2016 đạt 5,72 điểm, tăng lên 6,46 điểm năm 2019, tuy nhiên năm 2020 lại giảm 0,24 điểm so với năm 2019. Những nỗ lực của tỉnh Bình Thuận trong việc triển khai và thực hiện các giải pháp cải thiện chỉ số hỗ trợ DN đã phát huy tác dụng. Năm 2021, chỉ số này tăng lên 7,69 điểm.

Tỉnh đã triển khai nhiều biện pháp để hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh như: miễn, giảm, giảm lãi suất vay, phí ngân hàng, gia hạn thời gian nộp thuế và tiền thuê đất, kéo dài thời gian tạm dừng đóng bảo hiểm xã hội. Công tác hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được thực hiện tốt, hỗ trợ cho nhiều các hoạt động như đào tạo, hội thảo.

i. Đào tạo lao động – ĐTLĐ

Chỉ số ĐTLĐ đánh giá các nỗ lực của lãnh đạo tỉnh trong thúc đẩy đào tạo nghề, phát triển kỹ năng hỗ trợ ngành công nghiệp địa phương, giúp người lao động tìm kiếm việc làm. Sự cải thiện điểm của chỉ số này góp phần quan trọng

vào việc tăng điểm và vị trí xếp hạng của tỉnh trên Bảng xếp hạng PCI. Nhận biết được tầm quan trọng của chỉ số ĐTLĐ, tỉnh Bình Thuận đã rất quan tâm và tập trung vào nâng cao điểm số và đã đạt được những kết quả cao. Giai đoạn 2016 – 2019, chỉ số liên tục tăng điểm từ 5,85 lên 6,50 điểm. Đến năm 2020 chỉ số này giảm còn 5,78 điểm. Xu thế giảm tiếp diễn trong năm 2021. Điều này cho thấy, các chính sách của tỉnh để cải thiện và nâng cao chỉ số thành phần ĐTLĐ tuy có hiệu quả nhưng tác động chưa rõ rệt.

j. Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự

Giai đoạn 2016-2021, chỉ số thiết chế pháp lý tỉnh Bình Thuận có xu hướng tăng nhưng không rõ ràng. Cụ thể, chỉ số đạt 4,97 điểm năm 2016, đạt 5,92 năm 2018 và giữ nguyên trong năm 2019. Mặc dù có tăng lên 6,35 điểm vào năm 2021 nhưng mức tăng của chỉ số thiết chế pháp lý vẫn rất nhỏ.

Để cải thiện và nâng cao chỉ số thiết chế pháp lý, UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành và địa phương xây dựng chuyên mục “Hỗ trợ pháp lý cho DN”; Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho DN giai đoạn (2016 – 2020); Chỉ đạo các sở, ngành, địa phương đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến pháp luật và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; tăng cường rà soát, kiến nghị Chính phủ sửa đổi, bổ sung các cơ chế chính sách liên quan đến doanh nghiệp, tạo hành lang pháp lý cho DN hoạt động kinh doanh đúng pháp luật.

Mặc dù vậy, DN vẫn chưa thực sự tin tưởng vào khả năng bảo vệ của pháp luật tại địa phương trong trường hợp tố cáo tham nhũng, trộm cắp, tranh chấp, khởi kiện tại Tòa án, Công an.

3.3. Kết quả điều tra phỏng vấn sâu

Bảng hỏi đã được thiết kế và đánh giá theo 5 thang điểm. Phần lớn các chỉ số thành phần đều được đánh giá ở thang điểm tốt và khá. Những điểm sáng trong cuộc khảo sát có thể kể đến “tính năng động của chính quyền tỉnh” với 61,1%; “gia nhập thị trường” với 64,4%; “chi phí thời gian” với 48,9% DN cho điểm rất tốt và tốt. Có thể thấy rằng, các yếu tố được điểm “rất tốt” và “tốt” chủ yếu đến từ cải cách TTHC về cả chi phí và thời gian, chính sách hỗ trợ cũng như ứng dụng đến từ thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin vào trong đăng ký kinh doanh trực tuyến.

Bảng 5. Kết quả điều tra khảo sát các doanh nghiệp

STT	Chỉ số	Rất tốt	Tốt	Khá	Trung bình	Chưa tốt
1	Gia nhập thị trường (%)	9,4	55	30	5,6	
1.1	TTHC lĩnh vực đăng ký kinh doanh được niêm yết đầy đủ	2,9	22,8	10,3		
1.2	Thường xuyên rà soát, cắt giảm các Giấy phép, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, hồ sơ, tài liệu không cần thiết	1,8	13,3		1,7	
1.3	DN không mất nhiều thời gian để thực hiện các thủ tục hậu đăng ký DN (điện, nước, phòng cháy chữa cháy...)		8,3	11,7	3,9	
1.4	Cán bộ giải quyết TTHC tạo điều kiện thuận lợi cho DN	2,5	6,5	4,7		
1.5	DN ứng dụng CNTT để thực hiện thủ tục ĐKKD trực tuyến	2,2	4,1	3,3		
2	Tiếp cận đất đai (%)		33,3	46,1	18,9	1,7
2.1	Các thủ tục về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng để thực hiện		9,4	11,7	6,1	1,1
2.2	Cán bộ hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính chưa thân thiện, nhiệt tình.		7,2	10		
2.3	Chông chéo về các loại quy hoạch sử dụng đất: Đất quốc phòng, an ninh; đất khai thác khoáng sản; đất rừng		4,4	9,4	4,5	0,6
2.4	Tiến độ giải phóng mặt bằng chậm, sự phối hợp của các cơ quan, đơn vị chưa hiệu quả		6,7	7,8	6,1	
2.5	Chênh lệch giữa giá đất nhà nước với giá đất thị trường tại nhiều khu vực rất lớn do kỹ năng định giá còn hạn chế dẫn đến		5,6	7,2	2,2	
3	Tính minh bạch (%)		36,1	41,7	19,4	2,8
3.1	DN tìm kiếm thông tin thuận lợi		8,9	17,6	6,5	
3.2	DN lo lắng vì tình trạng chỉ định thầu		12,1	14,8	3,1	
3.3	Thông tin phản hồi từ CQNN về các lĩnh vực như (đầu thầu, đất đai, xây dựng, quy hoạch...) qua đường bưu điện không gặp khó khăn.		5,6	3,2		1,7
3.4	Còn có lợi ích nhóm trong việc tiếp cận các thông tin về (đầu thầu, đất đai, xây dựng, quy hoạch...)		5,3	4,7	6,7	1,1
3.5	Các Hiệp hội DN chủ động nắm bắt và cung cấp thông tin cho các DN hội viên		4,2	1,4	3,1	
4	Chi phí thời gian (%)	2,8	46,1	41,7	6,1	2,3
4.1	DN nhận được thông báo kiểm tra từ cơ quan Nhà nước trước khi bị kiểm tra	1,5	15,7	12,6	3,4	
4.2	DN có thể bị thanh tra trên 2 lần mỗi năm		12,3	11,8		1,1
4.3	Việc đăng ký nhận kết quả từ đường bưu điện thuận tiện, nhanh chóng		5,1		2,7	1,2
4.4	Công tác phối hợp giữa các sở, ngành và địa phương trong giải quyết TTHC		7,7	9,5		
4.5	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ và thái độ của cán bộ bộ phận một cửa	1,3	5,3	7,8		
5	Chi phí không chính thức (%)		36,1	39,4	22,3	2,2
5.1	Các quy định của pháp luật gây nhiều khó khăn cho DN		8,9	11,7	7,8	
5.2	DN không phải đi lại nhiều lần để hoàn tất TTHC		5,6	8,9	5,4	1,3
5.3	DN gặp khó khăn vì chông chéo của các TTHC		12,1	11,5	4,1	0,8
5.4	DN thường bị bắt nạt và lúng túng vì các cuộc thanh, kiểm tra đột xuất		5,3			

STT	Chỉ số	Rất tốt	Tốt	Khá	Trung bình	Chưa tốt
5.5	Cán bộ giải quyết TTHC đôi lúc thiếu hiệu quả và chưa thân thiện		4,2	7,3	5	
6	Cạnh tranh bình đẳng (%)	28,9	48,9	17,8	4,4	
6.1	DN nhà nước vẫn còn nhiều ưu đãi hơn so với DN tư nhân	5,4	18,8	7,1	1,3	
6.2	DN trên địa bàn bức xúc vì việc phân phối điện không đồng đều, gây ảnh hưởng đến sản xuất cũng như hiệu suất công việc	11,2	13,5	4,8	2,2	
6.3	Chính quyền can thiệp về vấn đề đất đai, chưa để cho doanh nghiệp tự đàm phán với người dân	5,4	8,9	3,2	0,9	
6.4	Các cơ quan nhà nước đang mắc bệnh “nghiện quản lý”, muốn quản lý doanh nghiệp bằng mệnh lệnh hành chính	6,9	3,2	2,7		
6.5	Doanh nghiệp phải “xin” thì cơ quan quản lý mới “cho” để hoạt động		4,5			
7	Tính năng động (%)	6,7	54,4	29,4	8,3	1,2
7.1	Cải cách TTHC đạt được kết quả như mong đợi của DN	2,8	17,9	8,7		
7.2	DN tiếp cận tín dụng thuận lợi		15,7	7,8	2,5	
7.3	Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ đã bước đầu phát huy hiệu quả	2,2	8,1	3,3		
7.4	Chống chèo trong quy hoạch sử dụng đất từng bước được tháo gỡ	1,7	7,5	6,1	4,2	
7.5	Cơ sở hạ tầng tuy có nhiều cải thiện nhưng vẫn còn nhiều khó khăn		5,2	3,5	1,6	
8	Dịch vụ hỗ trợ DN (%)	27,8	38,9	26,1	7,2	
8.1	DN không gặp khó khăn khi liên hệ với cơ quan Nhà nước để được hỗ trợ	6,9	12,7	7,3	2,5	
8.2	DN, nhất là DN nhỏ và vừa tiếp cận được thông tin về các dịch vụ, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh	8,3	9,1	5,4	3,3	
8.3	Các đơn vị trên địa bàn tỉnh cung cấp các dịch vụ công nghệ, xúc tiến thương mại hay tìm kiếm thị trường, tư vấn pháp luật không nhiều	6,8	8,9	6,2	1,4	
8.4	Chất lượng các dịch vụ được cung cấp		3	4,3	4,3	
8.5	Công tác hỗ trợ xúc tiến thương mại tại thị trường nước ngoài	2,8	3,3	2,9		
9	Đào tạo lao động (%)	36,1	37,8	16,7	9,4	
9.1	Công tác truyền thông trong giáo dục nghề nghiệp gắn với giải quyết việc làm	11,2	15,2	5,3		
9.2	Chất lượng đào tạo lao động tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh	8,7	7,9		3,5	
9.3	Cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	9,5	8,4			
9.4	Việc đào tạo nghề nghiệp theo nhu cầu của các công ty, doanh nghiệp	4,2	6,3	7,1	2,7	
9.5	Chương trình, giáo trình đào tạo sửa đổi, bổ sung kịp thời, theo sát với yêu cầu phát triển, yêu cầu kỹ năng nghề nghiệp của doanh nghiệp	2,5		4,3	3,2	
10	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự (%)	43,8	31,7	16,7	7,8	
10.1	Tin tưởng lãnh đạo tỉnh xử lý nghiêm cán bộ sai phạm	15,9	14,3	5,7	3,1	
10.2	Cơ quan Tòa án hỗ trợ DN tối đa để hoàn tất các vụ kiện	17,2	8,6	7,2	2,4	
10.3	Tình hình An ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh	10,7	8,8	3,7	2,3	

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Tuy nhiên, vẫn có các chỉ số điểm “trung bình” và “chưa tốt” có tỷ lệ cao. Cụ thể, đánh giá chỉ số TCĐĐ có 18,9% trung bình và 1,7% điểm thấp. 19,4% DN đánh giá tính minh bạch đạt điểm trung bình và 2,8% cho điểm chưa tốt. Hơn 30% DN cho điểm dịch vụ hỗ trợ DN điểm trung bình và chưa tốt. Gần 10% DN cho rằng điểm đào tạo lao động “chưa tốt” về chất lượng và chương trình đào tạo.

Qua Bảng 5, một số những hạn chế mà các DN hoạt động trên địa bàn tỉnh Bình Thuận. Cụ thể là:

Thứ nhất, DN mất nhiều thời gian để thực hiện các thủ tục hậu đăng ký DN như điện, nước, phòng cháy chữa cháy. DN gặp nhiều bức xúc về việc phân phối điện không đồng đều, làm giảm hiệu suất công việc.

Thứ hai, những thủ tục liên quan đến đất đai vẫn gặp tình trạng chông chéo về quy hoạch, giải phóng mặt bằng chậm.

Thứ ba, liên quan đến tính minh bạch của chính quyền tỉnh, các DN vẫn lo lắng về tình trạng ưu tiên cho các nhà thầu, DN nhà nước, cho các hội viên của hiệp hội DN.

Thứ tư, DN gặp nhiều khó khăn vì TTHC chông chéo, DN vẫn phải đi lại nhiều lần để hoàn tất các TTHC. Việc thanh tra diễn ra nhiều gây mất thời gian và chi phí không chính thức cho các DN.

Thứ năm, những nỗ lực nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đã phát huy hiệu quả, tuy nhiên chất lượng công tác đào tạo nghề còn thấp, phần nào đó lao động được đào tạo chưa đáp ứng được nhu cầu của DN. Chương trình đào tạo sửa đổi còn chưa được cập nhật.

Thứ sáu, thời gian để hoàn tất một vụ kiện trên Toà án còn kéo dài, gây mất thời gian và chi phí của DN. Chất lượng giải quyết các vụ việc qua tòa án chưa có sự cải thiện tốt, còn tình trạng án oan, sai. Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh cũng là vấn đề mà các DN đang lo lắng.

3.4. Đánh giá chung về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2016-2021

3.4.1. Kết quả

Từ 2016-2021, tỉnh Bình Thuận đã có nhiều nỗ lực, cố gắng nhằm cải thiện và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và đạt được

những kết quả đáng ghi nhận. Các chỉ số thành phần được DN đánh giá cao và tương đối ổn định trong giai đoạn như sau: Tiếp cận đất đai; Tính minh bạch; Chi phí không chính thức; Tính năng động của chính quyền tỉnh. Qua đó góp phần thu hút đầu tư, phát triển DN đóng góp cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Lãnh đạo tỉnh vẫn kiên trì với các nỗ lực cải cách hành chính nhằm tạo dựng môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp. DN đánh giá cao về tính năng động và tiên phong của Lãnh đạo tỉnh đối với khu vực kinh tế tư nhân, linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

Môi trường kinh doanh cạnh tranh bình đẳng, góp phần cho DN phát triển thuận lợi, đúng quy định của pháp luật; DN cảm nhận tích cực về những nỗ lực gần đây của chính quyền trong phòng chống tham nhũng và cắt giảm chi phí không chính thức; Công tác thanh tra, kiểm tra DN đã hạn chế thấp nhất tình trạng trùng lặp, chú trọng hơn đến việc hướng dẫn DN tuân thủ, thực hiện đúng quy định của pháp luật. Địa bàn tỉnh không có tình trạng DN phải trả tiền 'bảo kê' để yên ổn kinh doanh.

3.4.2. Hạn chế

Đạt được nhiều kết quả tích cực, nhưng những cải thiện đó mới chỉ được DN đánh giá ở mức trung bình và khá. Thể hiện rõ trong chỉ số thành phần có điểm số tăng giảm khác nhau, dao động ở mức 6-7 điểm, có rất ít chỉ số đạt điểm số cao nhất cả nước cũng như trong vùng. Trong 10 chỉ số, chỉ số có trọng số lớn là: *Đào tạo lao động; Chính sách hỗ trợ DN và Chi phí không chính thức* có mức độ cải thiện thấp.

Chất lượng thực thi các chính sách cấp tỉnh tại một số sở, ngành và địa phương vẫn là điểm nghẽn. Tinh thần trách nhiệm, tính năng động, quan hệ phối hợp của một số sở, ngành, địa phương trong việc giải quyết khó khăn, vướng mắc; giải quyết hồ sơ cho DN chưa cao; chưa chia sẻ khó khăn với DN.

Thủ tục “Hậu đăng ký doanh nghiệp” vẫn còn là một gánh nặng. DN vẫn còn gặp khó khăn khi thực hiện thủ tục các giấy phép: Giấy phép phòng cháy chữa cháy, các loại giấy chứng nhận đủ điều kiện ngành nghề kinh doanh, các loại giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật,

dẫn đến tình trạng nhiều DN phải chờ từ 01 đến 03 tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động.

Minh bạch thông tin chưa có nhiều cải thiện. Đặc biệt là liên quan đến tìm kiếm thông tin từ các văn bản quy phạm pháp luật như: Chiến lược, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương, quy hoạch ngành, lĩnh vực...

Chất lượng công tác đào tạo nghề cho DN còn thấp, chất lượng nguồn nhân lực chưa cao, việc liên kết giữa DN với các cơ sở đào tạo nghề của tỉnh còn hạn chế dẫn đến lao động tại tỉnh chưa đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp.

Chất lượng giải quyết các vụ việc qua tòa án chưa có sự cải thiện tốt dẫn đến DN chưa tin tưởng vào khả năng bảo vệ của pháp luật tại địa phương nếu tố cáo tham nhũng.

3.5. Giải pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh tỉnh Bình Thuận

- *Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của lãnh đạo cấp ủy, chính quyền và đội ngũ cán bộ, công chức trong xây dựng môi trường đầu tư, kinh doanh.*

Tiếp tục duy trì những chỉ số thành phần có thứ hạng cao và tăng điểm đối với những chỉ số thấp. Trước hết, tỉnh cần làm rõ vai trò, trách nhiệm người đứng đầu trong xử lý, ngăn chặn tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho DN. Người đứng đầu phải tiên phong trong thực hiện vai trò trách nhiệm hỗ trợ, đồng hành cùng DN nhằm tạo môi trường kinh doanh minh bạch để các nhà đầu tư và DN yên tâm phát triển sản xuất kinh doanh.

- *Đẩy mạnh cải cách TTHC, giảm gánh nặng gia nhập thị trường; chi phí không chính thức và chi phí thời gian, đẩy mạnh công khai, minh bạch hóa thông tin cho DN. Đặc biệt, những thủ tục liên quan tới hậu đăng ký DN cần được cải thiện mạnh mẽ.*

Việc thực hiện TTHC trên môi trường điện tử giúp nâng cao tính công khai, minh bạch, tiết kiệm chi phí cho DN. Đẩy mạnh cung cấp công khai và cập nhật đầy đủ thông tin qua những kênh: Website, báo, đài giúp DN chủ động xây dựng kế hoạch mở rộng đầu tư, sản xuất và kinh doanh.

Đảm bảo khả năng cung cấp ổn định và nâng

cao chất lượng các dịch vụ điện, nước, viễn thông, phòng cháy chữa cháy, tín dụng, ngân hàng.

- *Nâng cao tính minh bạch, công bằng trong giải quyết TTHC và đăng ký thầu*

Thực hiện tốt việc chuyển giao các dịch vụ khoa học, công nghệ; hỗ trợ DN trong xây dựng thương hiệu, sở hữu trí tuệ, quảng bá sản phẩm, đào tạo kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin, truyền thông, dịch vụ trực tuyến, xây dựng website... Xây dựng cơ chế “tham vấn” cộng đồng các DN trước khi ban hành chủ trương, chính sách trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh của họ để đảm bảo hài hoà lợi ích của nhà đầu tư với lợi ích xã hội và cho các DN thấy được rằng ban lãnh đạo tỉnh thật sự quan tâm đến các lợi ích của DN, chứ sự quan tâm đó không chỉ là hình thức.

- *Nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo lao động*

Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kiến thức về pháp luật, tin học, ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ, công nhân viên chức hiện thời. Thường xuyên dự báo nhu cầu sử dụng lao động của DN trên địa bàn tỉnh, từ đó thực hiện đào tạo lao động gắn với nhu cầu của thị trường trên;

Khuyến khích đầu tư tư nhân vào lĩnh vực đào tạo nghề. Xây dựng mối quan hệ giữa: Nhà trường - Nhà kinh doanh - Nhà nước, trong đó Nhà nước tạo môi trường, hỗ trợ chính sách và tài chính cho các DN hợp tác với nhà trường trong việc định hướng và đào tạo lao động gắn với nhu cầu xã hội.

Chính sách đào tạo nguồn nhân lực, cần có chính sách tạo sự hấp dẫn để thu hút nhân tài và lao động có kỹ năng, trình độ chuyên môn cao ở ngoài tỉnh về để phục vụ sự phát triển kinh tế của tỉnh. Từ đó, tạo nhiều động lực cho người lao động và nhà đầu tư.

4. KẾT LUẬN

Bình Thuận trong những năm qua đã nỗ lực triển khai các giải pháp nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cấp cơ sở hạ tầng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm thu hút và tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho DN đến tỉnh đầu tư, sản xuất và kinh doanh. Tuy nhiên, sự dao động của những chỉ số thành phần

vẫn tiềm ẩn những mặt hạn chế của những chỉ số này. Qua nghiên cứu, kết quả cho thấy những hạn chế chủ yếu đến từ *Đào tạo lao động; Chính sách hỗ trợ DN và Chi phí không chính thức*.

Các giải pháp được khuyến nghị cho tỉnh Bình Thuận trong giai đoạn tiếp theo: *Một là*: nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ đặc biệt là bộ phận quản lý, thực thi các thủ tục hành chính; *hai là*: đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, giải quyết nhanh chóng những dịch vụ hậu đăng ký DN để DN có thể bắt tay vào làm ngay sau khi có giấy phép. Cải tiến công nghệ để áp dụng trong giải quyết TTHC một cách triệt

đẽ; *ba là*: tăng cường minh bạch và công bằng, tăng các chế tài phạt những cơ quan vi phạm; *cuối cùng*: nâng cao chất lượng đào tạo cũng như chất lượng các chương trình đào tạo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Cục Thống kê tỉnh Bình Thuận (2021). Niên giám thống kê tỉnh Bình Thuận năm 2021.
- [2]. USAID-VCCI (2016). Sổ tay PCI hướng dẫn sử dụng kết quả điều tra chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh nhằm cải thiện môi trường kinh doanh. Hà Nội.
- [3]. USAID-VCCI (2017). Báo cáo chỉ số PCI 2016.
- [4]. USAID-VCCI (2018). Báo cáo chỉ số PCI 2017.
- [5]. USAID-VCCI (2019). Báo cáo chỉ số PCI 2018.
- [6]. USAID-VCCI (2020). Báo cáo chỉ số PCI 2019.
- [7]. USAID-VCCI (2021). Báo cáo chỉ số PCI 2020.

PROVINCIAL COMPETITION INDEX OF BINH THUAN - SITUATION AND SOLUTIONS

Tran Thi Minh Nguyet

Vietnam National University of Forestry

ABSTRACT

The Provincial Competitiveness Index on Vietnam's Business Environment (PCI) measures and assesses the quality of economic governance, the ease of doing business, and administrative reform efforts provincial government in Vietnam. Binh Thuan is a province with a high PCI index in the South Central region in recent years. The province has made efforts to improve the components of the PCI index. From 2016 to 2021, Binh Thuan's PCI index continuously fluctuated in score and rank. On the one hand, the results show that: The component indexes are highly appreciated by enterprises in Binh Thuan and are relatively stable in the following period: Access to land; Transparency; Informal expenses; The dynamics of provincial government. On the other hand, the sub-indices: Market entry costs, fair competition, and labor training are the factors that fall and lead to a drop in the composite index due to high weighting. Although the province has policies to promote activities that affect the above-mentioned indicators. There are still many limitations in the implementation process. Therefore, improving quality labor training, promoting policies to support businesses, reducing market entry costs and increasing equal competition are solutions the Binh Thuan province needs to focus on improving in the period of 2022 -2025.

Keywords: administrative procedures, Binh Thuan, competitiveness, enterprise, market entry costs.

Ngày nhận bài : 03/01/2023

Ngày phản biện : 28/03/2023

Ngày quyết định đăng : 25/04/2023